

NGÀNH, NGHỀ HOẠT ĐỘNG TẠI TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VIỆT NAM

Danh mục ngành nghề hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam gồm 4 cấp:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
F					XÂY DỰNG
	41	410			Xây dựng nhà các loại
			4101	41010	Xây dựng nhà để ở
			4102	41020	Xây dựng nhà không để ở
	42				Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
		422			Xây dựng công trình công ích
			4221	42210	Xây dựng công trình điện
			4222	42220	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
			4223	42230	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
			4229	42290	Xây dựng công trình công ích khác
		429			Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
			4299	42990	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
	43				Hoạt động xây dựng chuyên dụng
		431			Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng
			4311	43110	Phá dỡ
			4312	43120	Chuẩn bị mặt bằng
		432			Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác
			4321	43210	Lắp đặt hệ thống điện
			4322		Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
				43221	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước
				43222	Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí
			4329	43290	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
		433	4330	43300	Hoàn thiện công trình xây dựng
		434	4340	43400	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng
		439	4390	43900	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

G					BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ
	46				Bán buôn
		461	4610		Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
				46101	Đại lý bán hàng hóa
				46102	Môi giới mua bán hàng hóa
				46103	Đấu giá hàng hóa
		463			Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
			4631	46310	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ
			4632		Bán buôn thực phẩm
				46321	Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt
				46322	Bán buôn thủy sản
				46323	Bán buôn rau, quả
				46324	Bán buôn cà phê
				46325	Bán buôn chè
				46326	Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột
				46329	Bán buôn thực phẩm khác
			4633		Bán buôn đồ uống
				46331	Bán buôn đồ uống có cồn
				46332	Bán buôn đồ uống không có cồn
			4634	46340	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
		464			Bán buôn đồ dùng gia đình
			4642		Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng
				46421	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng
				46422	Bán buôn thảm, đệm
				46423	Bán buôn thiết bị chiếu sáng
			4649		Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
				46491	Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác
				46492	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế

				46493	Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
				46494	Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh
				46495	Bán buôn đồ điện gia dụng
				46496	Bán buôn giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự
				46497	Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm
				46498	Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao
				46499	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu
		465			Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy
			4651	46510	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
			4652	46520	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
			4659		Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
				46592	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
				46594	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi)
				46595	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
				46599	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu
		467			Bán buôn chuyên doanh khác
			4672		Bán buôn kim loại và quặng kim loại
				46721	Bán buôn quặng kim loại
				46722	Bán buôn sắt, thép
				46723	Bán buôn kim loại khác
				46724	Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác
			4673		Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
				46731	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
				46732	Bán buôn xi măng
				46733	Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi
				46734	Bán buôn kính xây dựng
				46735	Bán buôn sơn, véc ni
				46736	Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
				46737	Bán buôn đồ ngũ kim

				46739	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
		469	4690	46900	Bán buôn tổng hợp
	47				Bán lẻ
		471			Bán lẻ tổng hợp
			4711	47110	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn
			4719	47190	Bán lẻ tổng hợp khác
		472			Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào
			4721	47210	Bán lẻ lương thực
			4722		Bán lẻ thực phẩm
				47221	Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt
				47222	Bán lẻ thủy sản
				47223	Bán lẻ rau, quả
				47224	Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột
				47229	Bán lẻ thực phẩm khác
			4723	47230	Bán lẻ đồ uống
			4724	47240	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
		473	4730	47300	Bán lẻ nhiên liệu động cơ
		474	4740	47400	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông
		475			Bán lẻ thiết bị gia đình khác
			4751		Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác
				47511	Bán lẻ vải
				47519	Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác
			4752		Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
				47521	Bán lẻ đồ ngũ kim
				47522	Bán lẻ sơn, màu, véc ni
				47523	Bán lẻ kính xây dựng
				47524	Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác
				47525	Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh

			47529	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
		4753	47530	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn
		4759		Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu
			47591	Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện
			47592	Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự
			47593	Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh
			47594	Bán lẻ nhạc cụ
			47599	Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu
	476			Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí
		4761	47610	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm
		4762	47620	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao
		4763	47630	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi
		4769	47690	Bán lẻ sản phẩm văn hóa, giải trí khác chưa phân vào đâu
	477			Bán lẻ hàng hóa khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)
		4771		Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da
			47711	Bán lẻ hàng may mặc
			47712	Bán lẻ giày, dép
			47713	Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác
		4772		Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh
			47721	Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế
			47722	Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh
			47723	Bán thuốc đông y, bán thuốc nam
		4773		Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)
			47731	Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh
			47732	Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức
			47733	Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ
			47734	Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ)
			47735	Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình

				47736	Bán lẻ đồng hồ, kính mắt
				47737	Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh
				47738	Bán lẻ xe đạp và phụ tùng
				47739	Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu
		479	4790	47900	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ
	52				Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải
		521	5210		Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
				52101	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan
				52102	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)
				52109	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác
	53				Bưu chính và chuyển phát
		531	5310	53100	Bưu chính
		532	5320	53200	Chuyển phát
		533	5330	53300	Hoạt động dịch vụ trung gian cho hoạt động bưu chính và chuyển phát
I					DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG
	55				Dịch vụ lưu trú
		551	5510	55100	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự
		552	5520		Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác
				55201	Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
				55202	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
				55203	Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự
		553	5530	55300	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú
	56				Dịch vụ ăn uống
		561	5610		Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
				56101	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)
				56102	Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh
				56109	Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác
		562			Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác

			5621	56210	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
			5629	56290	Dịch vụ ăn uống khác
		563	5630		Dịch vụ phục vụ đồ uống
				56301	Quán rượu, bia, quầy bar
				56302	Quán cà phê, giải khát
				56309	Dịch vụ phục vụ đồ uống khác
		564	5640	56400	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống
J					HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN, PHÁT SÓNG, SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI NỘI DUNG
	58				Hoạt động xuất bản
		581			Xuất bản sách, báo, ấn phẩm định kỳ và các hoạt động xuất bản khác
			5811	58110	Xuất bản sách
			5812	58120	Xuất bản báo
			5813	58130	Xuất bản tạp chí và các ấn phẩm định kỳ
			5819	58190	Hoạt động xuất bản khác
		582			Xuất bản phần mềm
			5821	58210	Xuất bản trò chơi điện tử
			5829		Xuất bản phần mềm khác
				58291	Xuất bản phần mềm hệ thống
				58292	Xuất bản phần mềm ứng dụng
				58299	Xuất bản phần mềm khác chưa được phân vào đâu
	59				Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, video, chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc
		591			Hoạt động phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình
			5911		Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình
				59111	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh
				59112	Hoạt động sản xuất video
				59113	Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình
			5912	59120	Hoạt động hậu kỳ phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình

			5913	59130	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình
			5914		Hoạt động chiếu phim
				59141	Hoạt động chiếu phim cố định
				59142	Hoạt động chiếu phim lưu động
		592	5920	59200	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc
	60				Hoạt động xây dựng chương trình, phát sóng, thông tấn và phân phối nội dung khác
		601	6010	60100	Hoạt động phát thanh và phân phối âm thanh
		602	6020		Hoạt động xây dựng chương trình truyền hình, phát sóng truyền hình và phân phối video
				60201	Hoạt động xây dựng chương trình truyền hình
				60202	Hoạt động phát sóng truyền hình
				60203	Hoạt động phân phối video
		603			Hoạt động thông tấn và hoạt động phân phối nội dung khác
			6031	60310	Hoạt động thông tấn
			6039	60390	Hoạt động các trang mạng xã hội và hoạt động phân phối nội dung khác
K					HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG; LẬP TRÌNH MÁY TÍNH, TƯ VẤN, CƠ SỞ HẠ TẦNG MÁY TÍNH VÀ CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN KHÁC
	61				Hoạt động viễn thông
		611	6110	61100	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh
		612	6120		Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông
				61201	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông
				61202	Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông
		619	6190	61900	Hoạt động viễn thông khác
	62				Lập trình máy tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động liên quan
		621			Lập trình máy tính
			6211	62110	Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử
			6219	62190	Lập trình máy tính khác

		622	6220	62200	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính
		629	6290	62900	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác
	63				Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các dịch vụ thông tin liên quan khác
		631	6310	63100	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan
		639	6390		Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác
				63901	Hoạt động công tìm kiếm web
				63909	Dịch vụ thông tin khác
L					HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ BẢO HIỂM
	64				Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)
		641			Hoạt động trung gian tiền tệ
			6411	64110	Hoạt động Ngân hàng trung ương
			6419	64190	Hoạt động trung gian tiền tệ khác
		642			Hoạt động công ty nắm giữ tài sản và các kênh dẫn vốn
			6421	64210	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản
			6422	64220	Hoạt động của các kênh dẫn vốn
		643			Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác
			6431	64310	Hoạt động quỹ thị trường tiền tệ
			6432	64320	Hoạt động quỹ đầu tư phi thị trường tiền tệ
			6433	64330	Hoạt động quỹ tín thác, tài sản và tài khoản đại lý
		649			Hoạt động dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)
			6491	64910	Hoạt động cho thuê tài chính
			6492	64920	Hoạt động tài trợ thương mại quốc tế
			6493	64930	Hoạt động bao thanh toán
			6494	64940	Hoạt động chứng khoán hóa
			6495	64950	Hoạt động cấp tín dụng khác
			6499	64990	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)
	65				Bảo hiểm, tái bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)

		651			Bảo hiểm
			6511	65110	Bảo hiểm nhân thọ
			6512	65120	Bảo hiểm phi nhân thọ
			6513	65130	Bảo hiểm sức khỏe
		652	6520	65200	Tái bảo hiểm
		653	6530	65300	Hoạt động quỹ hưu trí
	66				Hoạt động tài chính khác
		661			Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)
			6611	66110	Quản lý thị trường tài chính
			6612		Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán
				66121	Môi giới hợp đồng hàng hóa
				66122	Môi giới chứng khoán
				66129	Môi giới khác
			6619	66190	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
		662			Hoạt động hỗ trợ bảo hiểm và quỹ hưu trí
			6621	66210	Đánh giá rủi ro và thiệt hại
			6622	66220	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm
			6629	66290	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và quỹ hưu trí
		663	6630	66300	Hoạt động quản lý quỹ
M					HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
	68				Hoạt động kinh doanh bất động sản
		681	6810		Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
				68101	Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở
				68102	Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở
				68103	Cho thuê và vận hành nhà ở và đất ở
				68104	Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở
				68109	Kinh doanh bất động sản khác
		682			Hoạt động bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng
			6821	68210	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản

			6829		Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng
				68291	Hoạt động tư vấn và quản lý nhà ở và quyền sử dụng đất ở
				68292	Hoạt động tư vấn và quản lý nhà và quyền sử dụng đất không ở
				68293	Hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng bất động sản
				68299	Hoạt động bất động sản khác chưa được phân vào đâu trên cơ sở phí hoặc hợp đồng
N					HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
	69				Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán
		691	6910		Hoạt động pháp luật
				69101	Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật
				69102	Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý
				69109	Hoạt động pháp luật khác
		692	6920		Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế
				69201	Hoạt động liên quan đến kế toán
				69202	Hoạt động liên quan đến kiểm toán
				69203	Hoạt động liên quan đến tư vấn về thuế
				69209	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế khác
	70				Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý
		701	7010	70100	Hoạt động của trụ sở văn phòng
		702	7020	70200	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác
	71				Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật
		711	7110		Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
				71101	Hoạt động kiến trúc
				71102	Hoạt động đo đạc và bản đồ
				71103	Hoạt động thăm dò địa chất, nước dưới đất
				71109	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác
		712	7120	71200	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
	72				Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

		721			Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật
			7212	72120	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
		722			Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn
			7221	72210	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội
			7222	72220	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn
	73				Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và quan hệ công chúng
		731	7310	73100	Quảng cáo
		732	7320	73200	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
		733	7330	73300	Hoạt động quan hệ công chúng
	74				Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác
		741	7410	74100	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
		742	7420	74200	Hoạt động nhiếp ảnh
		743	7430	74300	Hoạt động phiên dịch
		749			Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
			7491	74910	Hoạt động môi giới và tiếp thị bằng sáng chế
			7499	74990	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu
O					HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ
	77				Cho thuê hoạt động
		771	7710		Cho thuê xe có động cơ
				77101	Cho thuê ô tô
				77109	Cho thuê xe có động cơ khác
		772			Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình
			7721	77210	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí
			7729	77290	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác
		773	7730		Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

				77302	Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển
				77303	Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy tính) không kèm người điều khiển
				77309	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu
		774	7740	77400	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
		775	7750	77500	Hoạt động dịch vụ trung gian cho thuê đồ dùng hữu hình và tài sản vô hình phi tài chính
	78				Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm
		781	7810	78100	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm
		782			Cung ứng lao động tạm thời và nguồn nhân lực khác
			7821	78210	Cung ứng lao động tạm thời
			7822		Cung ứng nguồn nhân lực khác
				78221	Cung ứng nguồn nhân lực khác trong nước
				78222	Cung ứng nguồn nhân lực khác làm việc ở nước ngoài
	79				Hoạt động của các đại lý lữ hành, kinh doanh tua du lịch và hoạt động liên quan đến du lịch khác
		791			Hoạt động của các đại lý lữ hành, kinh doanh tua du lịch
			7911	79110	Đại lý lữ hành
			7912	79120	Điều hành tua du lịch
		799	7990	79900	Hoạt động liên quan đến du lịch khác
	80	801			Hoạt động điều tra bảo đảm an toàn
			8011	80110	Dịch vụ điều tra và hoạt động bảo vệ tư nhân
			8019	80190	Dịch vụ bảo đảm an toàn khác
	81				Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan
		811	8110	81100	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
		812			Dịch vụ vệ sinh
			8121	81210	Vệ sinh chung nhà cửa
			8129	81290	Dịch vụ vệ sinh khác
		813	8130	81300	Dịch vụ cảnh quan
	82				Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác

		821	8210	82100	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng
		822	8220	82200	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi
		823	8230	82300	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
		824	8240	82400	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chưa được phân vào đâu (trừ trung gian tài chính)
		829			Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu
			8291	82910	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng
			8292	82920	Dịch vụ đóng gói
			8299	82990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Q					GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
	85				Giáo dục và đào tạo
		851			Giáo dục mầm non
			8511	85110	Giáo dục nhà trẻ
			8512	85120	Giáo dục mẫu giáo
		852			Giáo dục phổ thông
			8521	85210	Giáo dục tiểu học
			8522	85220	Giáo dục trung học cơ sở
			8523	85230	Giáo dục trung học phổ thông
		853			Giáo dục nghề nghiệp
			8531	85310	Đào tạo sơ cấp
			8532	85320	Đào tạo trung cấp
			8533	85330	Đào tạo cao đẳng
		854			Giáo dục đại học
			8541	85410	Đào tạo đại học
			8542	85420	Đào tạo thạc sỹ
			8543	85430	Đào tạo tiến sỹ
		855			Giáo dục khác
			8551	85510	Giáo dục thể thao và giải trí
			8552	85520	Giáo dục văn hóa nghệ thuật
			8553	85530	Hoạt động đào tạo sử dụng phương tiện vận tải phi thương mại

			8554	85540	Giáo dục dự bị đại học
			8559	85590	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
		856			Hoạt động hỗ trợ giáo dục
			8561	85610	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các khóa học và gia sư
			8569	85690	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác
R					Y TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI
	86				Hoạt động y tế
		861	8610		Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế
				86101	Hoạt động của các bệnh viện
				86102	Hoạt động của các trạm y tế
		862	8620		Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
				86201	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
				86202	Hoạt động của các phòng khám nha khoa
		869			Hoạt động y tế khác
			8691	86910	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các dịch vụ y tế, nha khoa và dịch vụ y tế khác
			8692	86920	Hoạt động y tế dự phòng
			8693	86930	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng
			8699	86990	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu
	87				Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung
		871	8710		Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng
				87101	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh
				87109	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác
		872	8720		Hoạt động chăm sóc sức khỏe người khuyết tật trí tuệ, thần kinh, tâm thần và người nghiện
				87201	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người khuyết tật trí tuệ, thần kinh, tâm thần
				87202	Hoạt động chăm sóc sức khỏe, cai nghiện phục hồi người nghiện

		873	8730		Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc
				87301	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công (trừ thương bệnh binh)
				87302	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người già
				87303	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người khuyết tật
		879			Hoạt động chăm sóc tập trung khác
			8791	87910	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các hoạt động chăm sóc tập trung
			8799		Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu
				87991	Hoạt động chữa bệnh, phục hồi nhân phẩm cho đối tượng mại dâm
				87999	Hoạt động chăm sóc tập trung khác còn lại chưa được phân vào đâu
	88				Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung
		881	8810		Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người khuyết tật
				88101	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công (trừ thương bệnh binh)
				88102	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với thương bệnh binh
				88103	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người già và người khuyết tật
		889	8890	88900	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác
S					NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ GIẢI TRÍ
	90				Hoạt động sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật
		901			Hoạt động sáng tạo nghệ thuật
			9011	90110	Hoạt động sáng tác văn học và sáng tác âm nhạc
			9012	90120	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác
			9019	90190	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật khác
		902	9020	90200	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật
		903			Hoạt động hỗ trợ sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật
			9031	90310	Hoạt động của cơ sở và địa điểm nghệ thuật

			9039	90390	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật
	92	920	9200		Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc
				92001	Hoạt động xổ số
				92002	Hoạt động cá cược và đánh bạc
	93				Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí
		931			Hoạt động thể thao
			9311	93110	Hoạt động của các cơ sở thể thao
			9312	93120	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
			9319	93190	Hoạt động thể thao khác
		932			Hoạt động vui chơi giải trí
			9321	93210	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
			9329	93290	Hoạt động vui chơi giải trí khác
T					HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHÁC
	94				Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác
		941			Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh, nghiệp chủ và nghề nghiệp
			9411	94110	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ
			9412	94120	Hoạt động của các hội nghề nghiệp
	96				Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân
		961	9610	96100	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
		962			Dịch vụ làm tóc, chăm sóc sắc đẹp, spa và các hoạt động tương tự
			9621	96210	Dịch vụ làm tóc
			9622	96220	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác
			9623	96230	Dịch vụ spa và xông hơi
		964	9640	96400	Hoạt động trung gian cho dịch vụ cá nhân
		969	9690		Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác
				96909	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa được phân vào đâu
V					HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CƠ QUAN QUỐC TẾ

	99	990	9900	99000	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế
22	87	259	495	743	